

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Phạm Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Mỹ X, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Chị X có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lưu Thị Mỹ X trình bày:

Năm 2018 sau thời gian tìm hiểu chị và anh Nguyễn Văn L tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ mặc vợ con, ham mê cờ bạc; vì vậy từ tháng 10 năm 2019 chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và chị và anh L đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian chung sống chị và anh L có một người con chung là Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 10/10/2019; về tài sản chung và nợ chung chị X cam kết không có.

Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X khởi kiện và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con là Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 10/10/2019 và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị X cam kết trong quá trình chung sống chị và anh L không có nợ ai và không ai nợ chúng tôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2020 anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung tài sản chung và nợ chung chị X trình bày trong đơn khởi kiện là đúng. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh L có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Lưu Thị Mỹ X

Về con chung: Anh L thống nhất giao con là Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 10/10/2019 cho chị X trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Mỹ X trình bày vào năm 2018 chị và anh Nguyễn Văn L tiến đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M vào ngày 09 tháng 02 năm 2018, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh L là hợp pháp.

Xét việc chị X yêu cầu xin được ly hôn với anh L Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị X xác nhận chị và anh L chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh L không quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và hiện nay chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu xin được ly hôn với anh L. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 11 năm 2020 anh Nguyễn Văn L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X. Từ những cơ sở trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Chị X và anh L đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có một người con chung là Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 10/10/2019 hiện nay cháu Y đang sống cùng với chị X. Chị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh L cùng đồng ý giao con chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị X là phù hợp.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị X về quyền yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng chị X xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào lời khai của anh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị X đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị X phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị Mỹ X và anh Nguyễn Văn L
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 10/10/2019 cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.
Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Chị X phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006629 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
6. Chị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ánh Tuyết